

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;
Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc việc hôn nhân gia đình thụ lý số 76/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/8/2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Y Mũm N**, sinh năm 1983.
- Chị **Rah Lan H**, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: **Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Y Mũm N** và chị **Rah L H'Hmer** có quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 01/6/2016 của Ủy ban nhân dân (UBND) **xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk**. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của Anh Chị, Tòa án đã tiến hành hòa giải để **Anh C** đoàn tụ nhưng không thành. Việc thuận tình ly hôn của **Anh C** là thực sự tự nguyện.

[2] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng: Anh **Y Mũm N** và chị **Rah L H'Hmer** có 02 con chung là **Niê Rah Lan H1**, sinh ngày 16/11/2013 và **Niê Rah Lan H2**, sinh ngày 13/9/2015. Anh Chị đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng và sự thỏa thuận của **Anh C** bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con.

[3] Về tài sản và nợ chung: Anh **Y Mũm N** và chị **Rah L H'Hmer** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh **Y Mũm N** và chị **Rah L** H'Hmer đã thỏa thuận được với nhau về người có nghĩa vụ chịu lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Y Mũm N** và chị **Rah L** H'Hmer thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Giao 02 (hai) con chung của anh **Y Mũm N** và chị **Rah L** H'Hmer là cháu **Rah Lan H1**, sinh ngày 16/11/2013 và **Niê Rah Lan H2**, sinh ngày 13/9/2015 cho anh **Y Mũm N** có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn.

Chị **Rah L** H'Hmer có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi con 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng một tháng), tổng cộng 02 con là 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng một tháng), cấp dưỡng định kỳ vào ngày 20 của mỗi tháng.

Thời điểm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh **Y Mũm N** và thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị **Rah L** H'Hmer bắt đầu từ ngày 20/8/2024 cho đến khi con chung thành niên, hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Anh **Y Mũm N** và chị **Rah L** H'Hmer không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

- Về các vấn đề khác: Không.

Quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Tòa án là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), Anh **Y Mũm N** và chị **Rah L** H'Hmer mỗi người chịu một nửa lệ phí Tòa án là

150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án Anh Chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006088 ngày 15/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Anh **Y Mũm N** và chị **Rah Lan H** đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Ea Bhók, huyện Chư Kuin, tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Chư Pưh;
- CCTHADS huyện Chư Pưh;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Võ Tiên Sỹ